

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày ... tháng...năm...
(hoặc Quý ...năm....)*

I. Đặc điểm hoạt động của đơn vị

1. Quyết định thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị;
2. Hình thức sở hữu vốn;
3. Thành phần của Hội đồng quản trị (Tên, chức danh của từng người);
4. Thành phần Ban Giám đốc (Tên, chức danh từng người);
5. Trụ sở chính..... ; Số chi nhánh:
6. Tổng số cán bộ, công nhân viên:....

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày/.../..... kết thúc vào ngày/...../.....)
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng;
2. Hình thức kế toán áp dụng;

IV. Chính sách kế toán áp dụng

1. Chuyển đổi tiền tệ
2. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập - chi phí
3. Kế toán đối với cho vay khách hàng:
 - Nguyên tắc ghi nhận khoản vay;
 - Cơ sở trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng;
4. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ
 - 4.1. Kế toán TSCĐ vô hình
 - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình
 - Phương pháp tính khấu hao TSCĐ vô hình
 - 4.2. Kế toán TSCĐ hữu hình
 - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình
 - Phương pháp tính khấu hao TSCĐ hữu hình
5. Vốn chủ sở hữu
 - Vốn điều lệ
 - Trích lập và sử dụng các Quỹ từ chênh lệch (Thu - Chi)

6. Các hoạt động ủy thác chịu rủi ro tín dụng:

7. Các điều chỉnh số liệu kì kế toán trước

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính và báo cáo kết quả hoạt động (ĐVT: triệu đồng VN)

1. Tiền mặt, chứng từ có giá trị ngoại tệ

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền mặt tại quỹ bằng VNĐ		
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ		
Chứng từ có giá trị ngoại tệ		
Cộng		

2. Tiền gửi tại NHNN Việt Nam

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi thanh toán tại NHNN		
- Bằng VNĐ		
- Bằng ngoại tệ		
Cộng		

3. Tiền gửi tại các TCTD khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi tại các TCTD khác		
* Theo kì hạn		
- TG không kỳ hạn		
- TG có kỳ hạn		
- TG chuyên dùng		
* Theo phạm vi		
- TG tại các TCTD trong nước bằng VND		
- TG tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ		
- TG tại các TCTD nước ngoài bằng VND		
- TG tại các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ		

* Dự phòng rủi ro (***)		
Cộng		

4. Cho vay khách hàng

4.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tổng dư nợ		
- Nợ quá hạn		
- Nợ chò xử lý		
- Nợ cho vay được khoan		
+ Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ		
+ Tỷ lệ nợ khoan trên tổng dư nợ		

4.2. Cơ cấu tín dụng khách hàng:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu		
Chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá đối với các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước		
Cho vay từ nguồn vốn ủy thác đầu tư		
Cho vay khác		
Trả thay khách hàng		
Cộng		

4.3. Cơ cấu theo loại cho vay

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
*** Cho vay đối với tổ chức, cá nhân trong nước:		
- Cho vay ngắn hạn HTXK		
Trong đó: nợ quá hạn		
- Cho vay ngắn hạn chương trình đặc biệt của Chính phủ		
Trong đó: nợ quá hạn		

- Cho vay trung hạn tín dụng đầu tư		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay trung hạn chương trình đặc biệt của Chính phủ		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay dài hạn tín dụng đầu tư		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay dài hạn chương trình đặc biệt của Chính phủ		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay lại vốn ODA		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay vốn nhận ủy thác của các TCTCQT		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay theo thỏa thuận		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay lại vốn vay nước ngoài NHPT chịu rủi ro tín dụng		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay vốn huy động khác		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay thí điểm dưới 12 tháng:		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay VIDIFI bằng VNĐ		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay DA đường ô tô cao tốc HN-HP bằng ngoại tệ		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay hỗ trợ người lao động MVL theo QĐ 30 của TTg		

<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay vốn ủy thác của NSDP		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay vốn ủy thác khác		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay vốn ủy thác của BTC bằng ngoại tệ		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Trả thay bảo lãnh		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Nợ chờ xử lý		
- Tổng dư nợ cho vay trong nước		
- Tổng dư nợ quá hạn cho vay trong nước		
*** Cấp HT SĐT, cấp phát đối với các tổ chức, cá nhân trong nước		
- Cấp hỗ trợ sau đầu tư		
<i>Trong đó: + bằng NSTW</i>		
+ bằng NSDP		
- Cấp phát vốn ủy thác		
<i>Trong đó: + tạm ứng</i>		
+ cấp phát khối lượng hoàn thành		
- Cấp phát khác (Thủy điện Sơn La)		
<i>Trong đó: + tạm ứng</i>		
+ cấp phát khối lượng hoàn thành		
*** Cho vay đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài:		
- Cho vay ngắn hạn		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		

- Cho vay trung hạn		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay dài hạn		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay khác		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		

4.4. Lãi cho vay và phí chưa thu được

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
*** Cho vay đối với tổ chức, cá nhân trong nước:		
- Cho vay ngắn hạn HTXK		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
- Cho vay ngắn hạn chương trình đặc biệt của Chính phủ		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
- Cho vay trung hạn tín dụng đầu tư		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
- Cho vay trung hạn chương trình đặc biệt của Chính phủ		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
- Cho vay dài hạn tín dụng đầu tư		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
- Cho vay dài hạn chương trình đặc biệt của Chính phủ		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
- Cho vay lại vốn ODA		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
+ <i>Phí chưa thu được</i>		
- Cho vay vốn nhận ủy thác của các TCTCQT		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		

+ <i>Phí chưa thu được</i>		
- Cho vay theo thỏa thuận		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
- Cho vay lại vốn vay nước ngoài NHPT chịu rủi ro tín dụng		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
- Cho vay vốn huy động khác		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
- Cho vay thí điểm dưới 12 tháng:		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
- Cho vay VIDIFI bằng VNĐ		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
- Cho vay DA đường ô tô cao tốc HN-HP bằng ngoại tệ		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
- Cho vay hỗ trợ người lao động MVL theo QĐ 30 của TTg		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
- Cho vay vốn ủy thác của NSDP		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
+ <i>Phí chưa thu được</i>		
- Cho vay vốn ủy thác khác		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
+ <i>Phí chưa thu được</i>		
- Cho vay vốn ủy thác của BTC bằng ngoại tệ		
+ <i>Lãi cho vay chưa thu được</i>		
+ <i>Phí chưa thu được</i>		
- Trả thay bảo lãnh		

+ <i>Lãi chưa thu được</i>		
----------------------------	--	--

5. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng từ đầu năm đến hết kì báo cáo	Giảm từ đầu năm đến hết kì báo cáo	Cuối kỳ
Đầu tư vào công ty con				
Góp vốn liên doanh				
Đầu tư vào công ty liên kết				
Đầu tư dài hạn khác				
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (***)				
Cộng				

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ						
Tăng trong kỳ						
- <i>Mua trong kỳ</i>						
- <i>Đầu tư XD CB hoàn thành</i>						
- <i>Tặng khác</i>						
Giảm trong kỳ						
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>						
- <i>Giảm khác</i>						
Số dư cuối kỳ						
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ						
Tăng trong kỳ						

- Khấu hao trong kỳ						
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ						
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ						
- Tại ngày cuối kỳ						

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính						
Số dư đầu kỳ						
Tăng trong kỳ						
- Thuê tài chính trong kỳ						
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ						
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ						
Tăng trong kỳ						
- Khấu hao trong kỳ						
- Tăng khác						

Giảm trong kỳ						
- <i>Mua lại TSCĐ thuê tài chính</i>						
- <i>Trả lại TSCĐ thuê tài chính</i>						
- <i>Giảm khác</i>						
Số dư cuối kỳ						
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính						
- Tại ngày đầu kỳ						
- Tại ngày cuối kỳ						

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu kỳ					
Tăng trong kỳ					
- <i>Mua trong kỳ</i>					
- <i>Tăng khác</i>					
Giảm trong kỳ					
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>					
- <i>Giảm khác</i>					
Số dư cuối kỳ					
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ					
Tăng trong kỳ					
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>					
- <i>Tăng khác</i>					
Giảm trong kỳ					
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>					
- <i>Giảm khác</i>					

Số dư cuối kỳ					
Giá trị còn lại của TSCĐ VH					
- Tại ngày đầu kỳ					
- Tại ngày cuối kỳ					

9. Tài sản Có khác

9.1. Chi phí XDCB dở dang, mua sắm TSCĐ chưa hoàn thành

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Mua sắm TSCĐ		
Sửa chữa TSCĐ		
Chi phí XDCB dở dang		
<i>Trong đó, những công trình lớn:</i>		
....		
....		
Cộng		

9.2. Tài sản Có khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Chờ NSNN cấp bù CLLS, PQL TDĐT, TDXK, BL		
Chờ NSNN cấp PQL khác		
Tạm ứng nộp NSNN		
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ		
Tạm ứng tiền lương, công tác phí cho cán bộ, nhân viên		
Lãi, phí phải thu		
Các khoản nợ phải thu khác		
Vật liệu, công cụ dụng cụ		
Chi phí trả trước		
Tài sản Có khác		
Dự phòng phải thu khó đòi		

Cộng		
-------------	--	--

10, Nợ Chính phủ và NHNN

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
10.1. Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước		
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước bằng VNĐ		
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước bằng ngoại tệ		
10.2. Vay NSNN		
Vay NSNN bằng VND		
Vay NSNN bằng ngoại tệ		
10.3. Vay NHNN		
Vay NHNN bằng VND		
Vay NHNN bằng ngoại tệ		
10.4. Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước		
Cộng		

11. Tiền gửi, tiền vay của TCTD khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
11.1. Tiền gửi của TCTD khác		
Tiền gửi của TCTD trong nước bằng VND		
Tiền gửi của TCTD trong nước bằng ngoại tệ		
Tiền gửi của TCTD nước ngoài bằng VND		
Tiền gửi của TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ		
11.2. Vay các TCTD khác		
Vay TCTD trong nước bằng ngoại tệ		
Vay TCTD trong nước bằng VND		
Vay TCTD nước ngoài bằng VND		
Vay TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ		

Cộng		
-------------	--	--

12. Tiền gửi của khách hàng

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi không kỳ hạn		
* Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND		
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ		
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND		
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ		
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND		
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ		
Tiền gửi ký quỹ		
Các khoản bảo đảm thanh toán khác		
Cộng		

13. Vốn nhận ủy thác đầu tư, cho vay

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vốn nhận của Chính phủ		
Vốn nhận của các tổ chức, cá nhân trong nước		
Vốn nhận của các tổ chức, cá nhân nước ngoài		
Cộng		

14. Phát hành giấy tờ có giá

	Kỳ phiếu	Tín phiếu	Trái phiếu	Giấy tờ có giá khác
Cuối kỳ				
- Mệnh giá				
- Chiết khấu				7

- Phụ trội				
Đầu kỳ				
- Mệnh giá				
- Chiết khấu				
- Phụ trội				

15. Các khoản nợ phải trả khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải trả cán bộ, CNV của NHPT		
Các khoản phải nộp Nhà nước		
Phải trả lãi tiền gửi, lãi tiền vay, lãi trái phiếu		
Các khoản lãi và phí vốn nhận ủy thác cho vay		
Các khoản phải trả người bán		
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng		

16. Dự phòng rủi ro cho vay

	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu kỳ		
- Tăng từ đầu kỳ đến hết kỳ báo cáo		
+ Dự phòng trích lập		
+ Tăng khác		
- Giảm từ đầu kỳ đến cuối kỳ báo cáo		
+ Sử dụng để XLRR		
+ Khác		
- Số dư cuối kỳ		

17. Tình hình thay đổi một số chỉ tiêu VCSH của NHPT

	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	KQHĐ chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu kỳ									
Tăng trong kỳ									
- Tăng vốn trong kỳ									
- Kết quả hoạt động tăng trong kỳ									
- Trích bổ sung các quỹ trong kỳ									
- Chuyển từ quỹ dự trữ sang vốn									
Giảm trong kỳ									
- Sử dụng trong kỳ									
- Các khoản khác									
Số dư cuối kỳ									

18. Kết quả hoạt động chưa phân phối (chỉ thuyết minh cho báo cáo năm)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng thu nhập		
Tổng chi phí		
Kết quả hoạt động chưa phân phối năm nay		

19. Tình hình thu nhập của cán bộ viên chức (chỉ thuyết minh cho báo cáo năm)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Tổng số cán bộ, viên chức		
II. Thu nhập của cán bộ		
1. Tổng quỹ lương (triệu VNĐ)		
2. Tiền lương bình quân (triệu VNĐ/người/tháng)		

20. Thu cấp bù chênh lệch lãi suất, thu phí quản lý (chỉ thuyết minh cho báo cáo năm)

20.1. Thu cấp bù chênh lệch lãi suất: thuyết minh các chỉ tiêu chính tính cấp bù CLLS năm nay và năm trước.

20.2. Thu phí quản lý: thuyết minh các chỉ tiêu chính tính phí quản lý năm nay và năm trước.

....., ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)